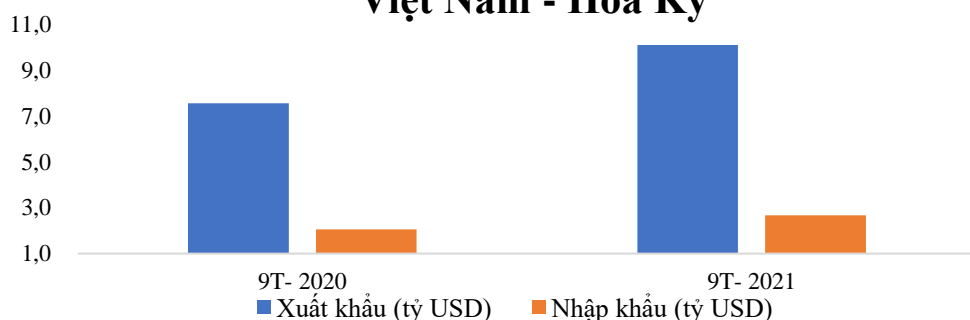


# BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

## Thị trường HOA KỲ



### Xuất khẩu và Nhập khẩu NLTS Việt Nam - Hoa Kỳ



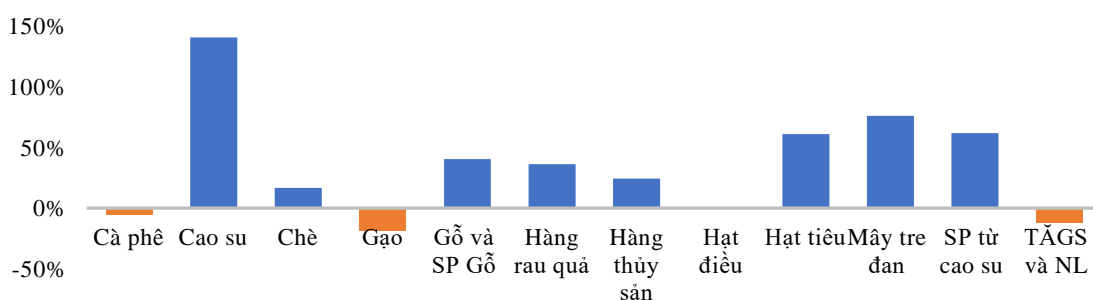
So sánh Kim ngạch XNK  
NLTS Việt Nam – Hoa Kỳ  
(9T – 2021/2020)

- Xuất khẩu ▲ 37,3%
- Nhập Khẩu ▲ 29,9%

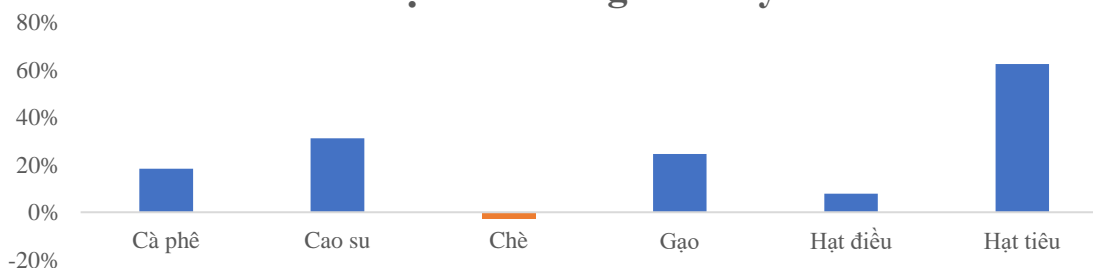
### So sánh 8T- 2021/2020

- Cà phê ▼ 5,2%
- Cao su ▲ 140,4%
- Chè ▲ 16,6%
- Gạo ▼ 18,5%
- Gỗ và SP Gỗ ▲ 40,5%
- Rau quả ▲ 36,1%
- Thủy sản ▲ 24,2%
- Hạt điều ▲ 0,8%
- Hạt tiêu ▲ 60,9%
- Mây tre đan ▲ 75,9%
- SP từ cao su ▲ 61,7%
- TĂGS và NL ▼ 11,7%

### Biến động kim ngạch xuất khẩu NLTS chính Việt Nam sang Hoa Kỳ 9T-2021



### Biến động giá xuất khẩu bình quân của NLTS chính của Việt Nam sang Hoa Kỳ T9/2021



### So sánh giá xuất khẩu bình quân T9-2021/2020

- Cà phê ▲ 18,3%
- Cao su ▲ 32,2%
- Gạo ▲ 24,5%
- Hạt điều ▲ 7,8%
- Hạt tiêu ▲ 64,2%
- Chè ▼ 2,9%

## TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Theo số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan, tính đến tháng 9/2021, Hoa Kỳ vẫn là thị trường xuất khẩu nông lâm thủy sản (NLTS) lớn nhất của Việt Nam, chiếm 24,4% tổng xuất khẩu NLTS. Trong mối quan hệ thương mại giữa hai nước về mặt hàng NLTS, Việt Nam luôn là nước xuất siêu. Trong 9 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang Hoa Kỳ đạt gần 10,1 tỷ USD, tăng 33,7% so với cùng kỳ năm 2020, trong khi nhập khẩu của Việt Nam từ thị trường này chỉ ở mức 2,7 tỷ USD, tăng 29,9% so với cùng kỳ năm 2020.

Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang Hoa Kỳ trong tháng 8/2021 là gỗ và các sản phẩm gỗ (chiếm 48,6%), thủy sản (21,9%), hạt điều (14%). So với tháng 8/2021, một số mặt hàng NLTS của Việt Nam đã xuất khẩu sang Hoa Kỳ đều có kim ngạch tăng như: Gạo tăng 68,3%; thức ăn chăn nuôi và nguyên liệu tăng 39,2%; cà phê tăng 25,5%. Một số mặt hàng có xu hướng giảm như: Gỗ và sản phẩm từ gỗ giảm 21,9%; hạt tiêu giảm 17%. *(Chi tiết tại phụ lục đính kèm).*

Theo dự báo cập nhật tháng 10/2021 của USDA, sản lượng gạo của Hoa Kỳ trong năm 2020/21 tiếp tục được dự báo sẽ đạt khoảng 7,23 triệu tấn, tăng khoảng 1,35 triệu tấn so với năm 2019/20. Mức nhập khẩu gạo năm 2020/21 của Hoa Kỳ dự báo đạt 1,2 nghìn tấn, giảm khoảng 0,01 nghìn tấn so với năm 2019/20.

Theo Hiệp hội Cà phê Quốc gia (NCA) công bố, người Mỹ đã tăng mức tiêu thụ cà phê tại nơi làm việc lên 55% và tại các quán cà phê và nhà hàng lên 20% kể từ tháng 1 năm 2021, thúc đẩy tổng mức tiêu thụ cà phê ngoài nhà tăng 16% do các hạn chế COVID-19 đã được nới lỏng. Đại dịch COVID-19 đã khiến người Mỹ uống cà phê ở nhà nhiều hơn bao giờ hết, 60% người Mỹ uống cà phê trong ngày qua hơn bất kỳ loại đồ uống nào khác (kể cả nước máy), (49%) trong số những người từ 25 đến 39 tuổi được khảo sát đã uống ít nhất một tách cà phê đặc biệt trong ngày qua. Mức tiêu thụ cà phê ở nhóm tuổi 25-39 đang ở mức cao kỷ lục - 65% uống cà phê trong ngày qua. Tiêu thụ cà phê lạnh tăng 50% kể từ tháng 1 năm 2021.

Hoa Kỳ là thị trường nhập khẩu thủy sản lớn thứ 2 thế giới, đạt 19 tỷ USD trong 8 tháng đầu năm 2021, tăng 30,6% so với cùng kỳ năm 2020. Từ đầu năm 2021 đến nay, nhập khẩu thủy sản của Hoa Kỳ liên tục tăng so với cùng kỳ năm 2020 khi nhu cầu tiêu dùng thủy sản tăng. Việt Nam là thị trường cung cấp thủy sản lớn thứ 5 cho Hoa Kỳ và là thị trường có thị phần tăng mạnh nhất trong nhóm 5 thị trường cung cấp thủy sản lớn nhất

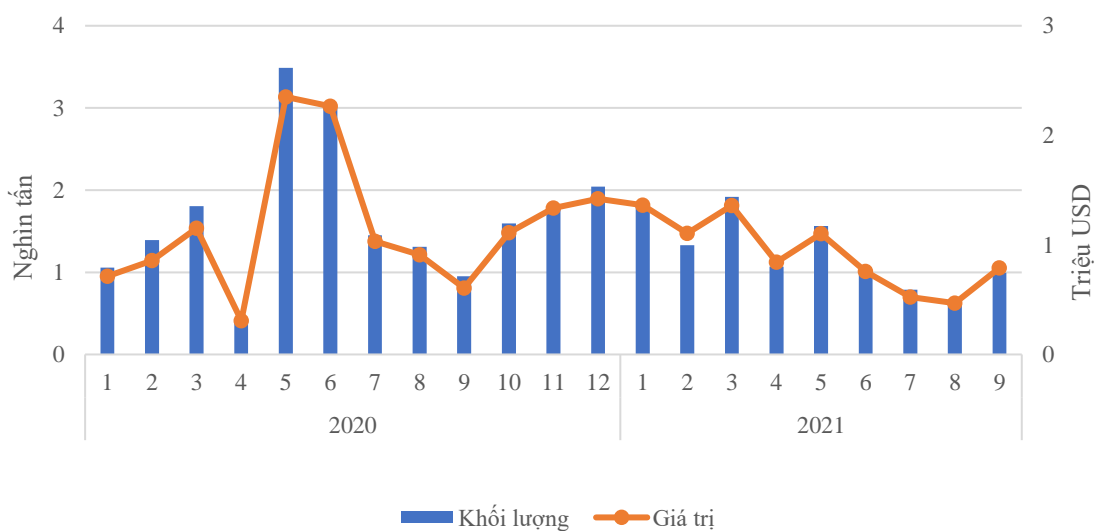
## CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

### 1. LÚA GẠO

Theo dự báo cập nhật tháng 10/2021 của USDA, sản lượng gạo của Hoa Kỳ trong năm 2020/21 tiếp tục được dự báo sẽ đạt khoảng 7,23 triệu tấn, tăng khoảng 1,35 triệu tấn so với năm 2019/20. Mức nhập khẩu gạo năm 2020/21 của Hoa Kỳ dự báo đạt 1,2 nghìn tấn, giảm khoảng 0,01 nghìn tấn so với năm 2019/20.

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 9/2021, Việt Nam xuất khẩu được 1,0 nghìn tấn gạo, trị giá 0,8 triệu USD sang thị trường Hoa Kỳ, tăng 49,0% về khối lượng và 68,3% về giá trị so với tháng trước; và tăng 4,6% về khối lượng và 30,3% về giá trị so với cùng kỳ 2020. Tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này trong 9 tháng đầu năm 2021 đạt 11,2 nghìn tấn, trị giá 8,3 triệu USD, giảm 25,0% về khối lượng và 18,5% về giá trị so với cùng kỳ 2020.

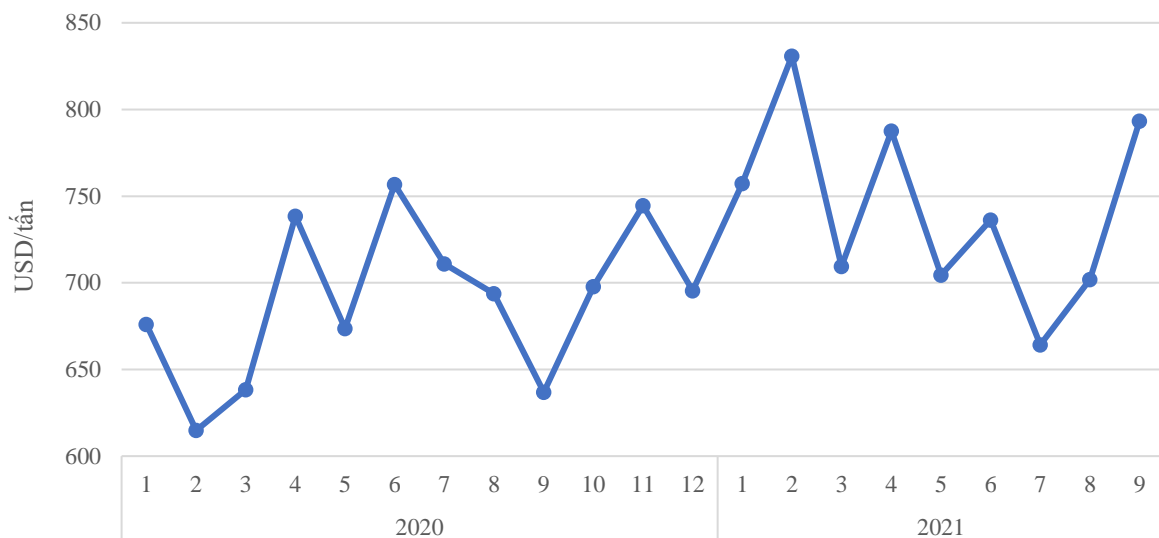
**Hình 1. Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang thị trường Hoa Kỳ**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Giá xuất khẩu gạo trung bình sang thị trường Hoa Kỳ tháng 9/2021 đạt 793,3 USD/tấn, tăng 13,0% so với tháng trước và 24,5% so với cùng kỳ năm 2020.

**Hình 2. Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Hoa Kỳ**

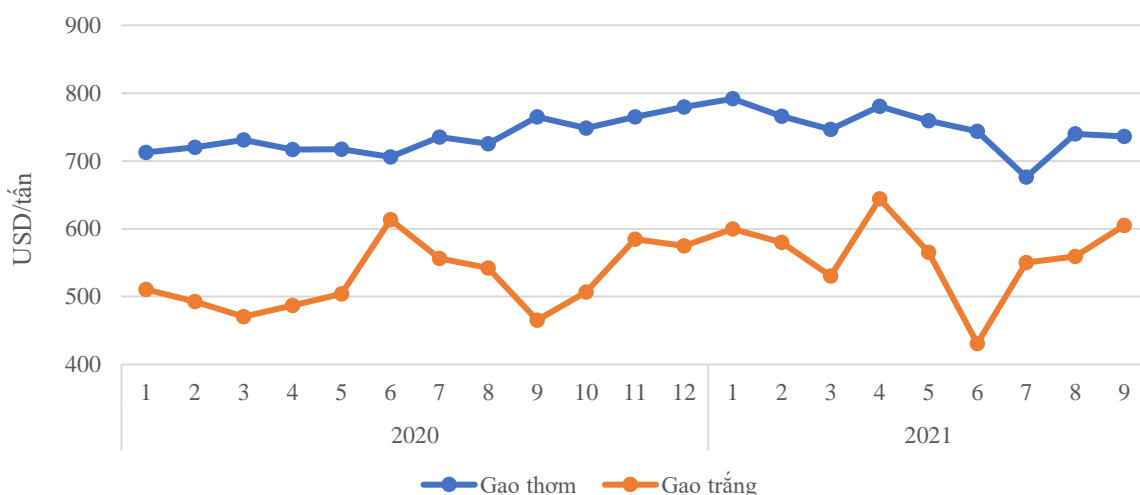


*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Trong tháng 9/2021, gạo thơm là mặt hàng xuất khẩu chính của Việt Nam sang Hoa Kỳ đạt 0,9 nghìn tấn, trị giá 0,7 triệu USD (chiếm 86,6% về khối lượng và 86,9% về giá trị); so với cùng kỳ năm ngoái, xuất khẩu gạo thơm sang Hoa Kỳ đã tăng 77,7% về khối lượng và 75,9% về giá trị.

Giá xuất khẩu gạo thơm tháng 9/2021 đạt trung bình 736,2 USD/tấn, giảm 0,5% so với tháng trước và 3,8% so với cùng kỳ năm ngoái. Ngoài ra, giá gạo trắng đạt 605,0 USD/tấn, tăng 8,2% so với tháng trước và 30,0% so với cùng kỳ năm ngoái.

**Hình 3. Giá xuất khẩu gạo thơm và gạo trắng sang thị trường Hoa Kỳ**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

*Ghi chú: Giá gạo trắng không bao gồm các loại gạo hữu cơ*

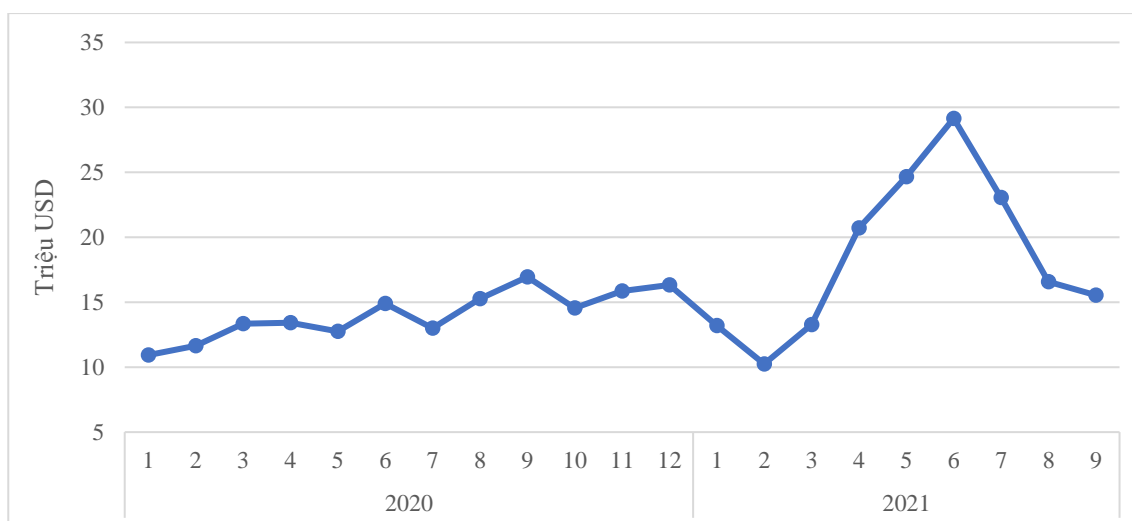
Trong tháng 9/2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Hoa Kỳ là Công ty CP Phước Đạt, Công ty CP Soharice và Chi nhánh Long An - Công ty TNHH Highland Dragon. Ba công ty này chiếm lần lượt 35,3%, 13,5% và 11,5% tổng kim ngạch xuất khẩu

gạo sang thị trường Hoa Kỳ trong tháng 9/2021. So với cùng kỳ năm 2020, Công ty CP Phước Đạt tăng 76,8%, Công ty CP Soharice tăng 22,0%, còn Chi nhánh Long An - Công ty TNHH Highland Dragon giảm 9,8%.

## 2. RAU QUẢ

Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Hoa Kỳ tháng 9 năm 2021 đạt 15,5 triệu USD, chiếm 6,7% tổng giá trị xuất khẩu rau quả, giảm 6,2% so với tháng trước và giảm 8,2% so với cùng kỳ năm 2020. Tính chung 9 tháng đầu năm 2021, giá trị xuất khẩu rau quả sang Hoa Kỳ đạt 166,3 triệu USD, tăng 36,1% so với cùng kỳ năm 2020.

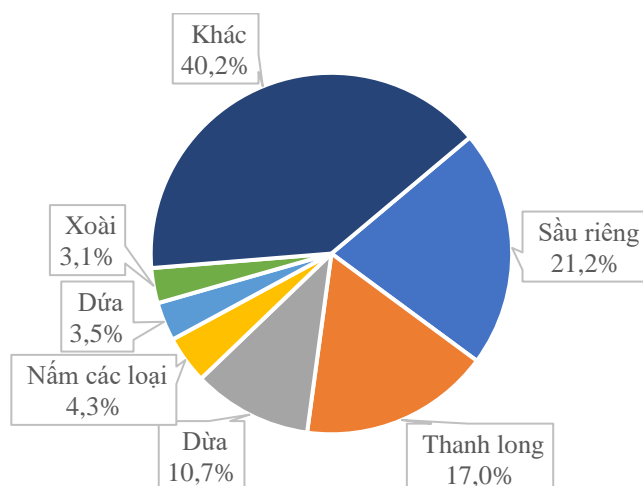
**Hình 4. Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Hoa Kỳ**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang Hoa Kỳ tháng 9 năm 2021, mặt hàng rau quả tươi, khô, đông lạnh, sơ chế đạt 7,6 triệu USD (chiếm 48,9% thị phần, giảm 19,1% so với cùng kỳ năm 2020) và mặt hàng rau quả chế biến đạt 7,9 triệu USD (chiếm 51,1% thị phần), tăng 5,3%, trong đó: (i) trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo (mã HS 2008) đạt 3,8 triệu USD (tăng 7,7% so với cùng kỳ năm trước); (ii) nước ép, nước cốt trái cây (mã HS.2009) đạt 2,3 triệu USD (tăng 12,8%); (iii) rau chế biến (không đông lạnh) (mã HS.2005) đạt 986,3 nghìn USD (tăng 36,8%); v.v.

Trong tháng 9 năm 2021, các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu sang Hoa Kỳ có giá trị cao nhất: sầu riêng đạt 3,3 triệu USD (chiếm 21,2% tổng giá trị xuất khẩu), tăng 173,5% so với cùng kỳ năm 2020; thanh long đạt 2,6 triệu USD (chiếm 17%), giảm 1,5%; dứa đạt 1,7 triệu USD (chiếm 10,7%), tăng 31,2%; nấm các loại đạt 664,6 nghìn USD (chiếm 4,3%), tăng 26,3%; v.v.

**Hình 5. Cơ cấu xuất khẩu rau quả sang thị trường Hoa Kỳ tháng 9 năm 2021**

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường Hoa Kỳ tháng 9 năm 2021 đạt 21,6 triệu USD, chiếm 17,3% tổng giá trị nhập khẩu rau quả, tăng 28,8% so với cùng kỳ năm 2020. Tính chung 9 tháng đầu năm 2021, giá trị nhập khẩu rau quả từ Hoa Kỳ đạt 223,5 triệu USD (chiếm 14,4%), tăng 1,0% so với cùng kỳ năm 2020. Trong tháng 9/2021, sản phẩm rau quả Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là nho đạt 7,5 triệu USD, chiếm 34,5% tổng giá trị nhập khẩu, giảm 22,8% so với cùng kỳ năm 2020; hạt dẻ đạt 7,4 triệu USD (chiếm 34,2%), tăng 458,1%; hạnh nhân đạt 4,0 triệu USD (chiếm 18,4%), tăng 109,9%; khoai tây đạt 1,2 triệu USD (chiếm 5,7%), tăng 53,4%; v.v.

Trong tháng 9/2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Hoa Kỳ là Công ty Cổ phần Nafoods Miền Nam, Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang và Chi nhánh Công ty TNHH Olam Việt Nam tại KCN Biên Hòa II với tỷ trọng xuất khẩu lần lượt là 7,2%; 6,7% và 6,4%. So sánh với cùng kỳ năm ngoái, kim ngạch xuất khẩu của Công ty Cổ phần Nafoods Miền Nam tăng 619%, Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang tăng 28,5% và Chi nhánh Công ty TNHH Olam Việt Nam tại KCN Biên Hòa II giảm 78,6%.

### 3. CÀ PHÊ

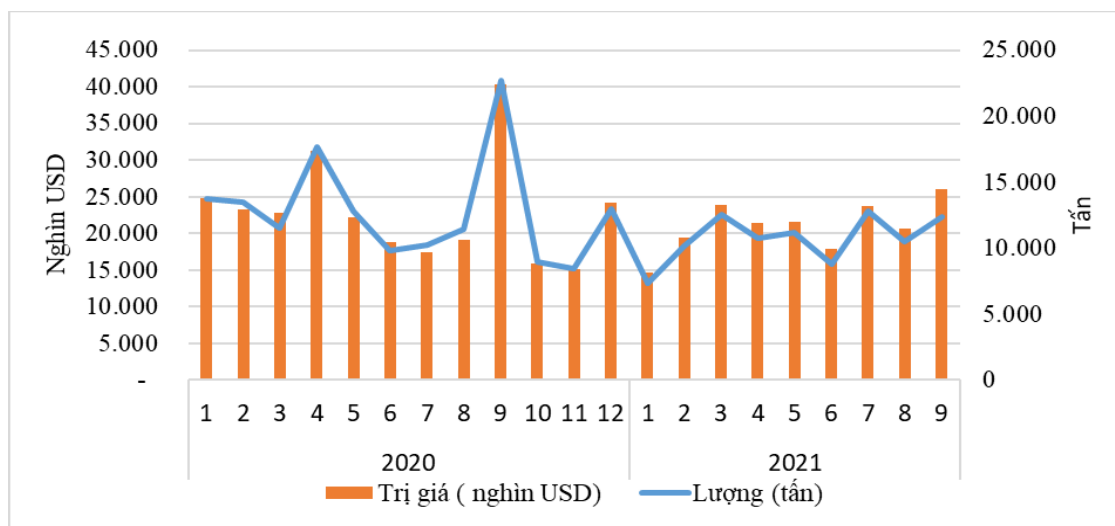
Hiệp hội Cà phê Xanh Hoa Kỳ báo cáo các kho dự trữ tại cảng của nước này đã giảm 107.561 bao tương đương 1,75% trong tháng 9 xuống mức 6.022.923 bao vào cuối tháng. Trong đó, 88.882 bao đã được đăng ký tại các kho dự trữ cà phê được Chứng nhận của Hoa Kỳ tại thời điểm báo cáo. Với mức tiêu thụ hàng tuần ước tính của Hoa Kỳ và Canada được hỗ trợ bởi các kho dự trữ này là khoảng 585.000 bao mỗi tuần.

Theo Hiệp hội Cà phê Quốc gia (NCA) công bố, người Mỹ đã tăng mức tiêu thụ cà phê tại nơi làm việc lên 55% và tại các quán cà phê và nhà hàng lên 20% kể từ tháng 1 năm 2021, thúc đẩy tổng mức tiêu thụ cà phê ngoài nhà tăng 16% do các hạn chế COVID-19 đã được nới lỏng. Đại dịch COVID-19 đã khiến người Mỹ uống cà phê ở nhà nhiều hơn bao giờ hết, 60% người Mỹ uống cà phê trong ngày qua hơn bất kỳ loại đồ uống nào khác (kể

cả nước máy), (49%) trong số những người từ 25 đến 39 tuổi được khảo sát đã uống ít nhất một tách cà phê đặc biệt trong ngày qua. Mức tiêu thụ cà phê ở nhóm tuổi 25-39 đang ở mức cao kỷ lục - 65% uống cà phê trong ngày qua. Tiêu thụ cà phê lạnh tăng 50% kể từ tháng 1 năm 2021.

Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu cà phê lớn thứ 2 của Việt Nam, chiếm khoảng 10% tổng kim ngạch xuất khẩu cà phê. Xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Hoa Kỳ trong tháng 9/2021 đạt 12.378 tấn, trị giá 26,02 triệu USD, tăng 18,34% về khối lượng và tăng 25,48% về giá trị so với tháng trước. So với cùng kỳ năm 2020, xuất khẩu cà phê giảm 45,52% về khối lượng và giảm 35,54% về giá trị. Lũy kế 9 tháng đầu năm 2021 đạt 96.494 tấn, trị giá 189 triệu USD, tăng 27,98% về lượng và tăng 16,11% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020.

**Hình 6. Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ**



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 9/2021, giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hoa Kỳ đạt trung bình 2.102 USD/tấn, tăng 6,04% so với tháng trước, đồng thời tăng 18,31% so với cùng kỳ năm 2020.

**Hình 7. Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hoa Kỳ**

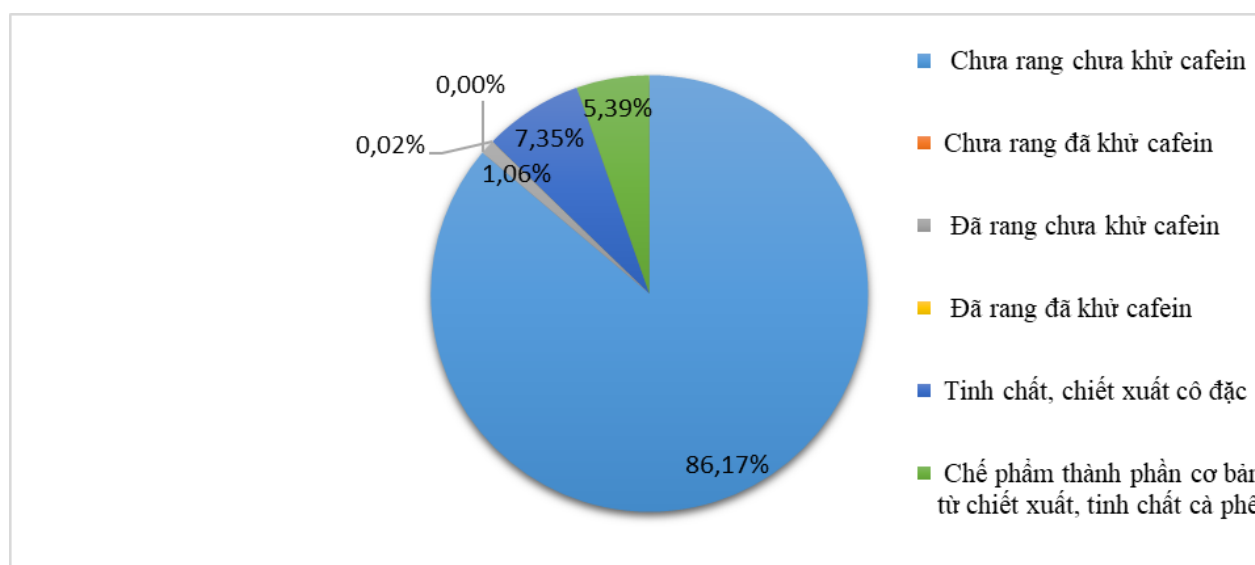


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về cơ cấu sản phẩm tháng 9/2021, cà phê nhân chiếm tỷ trọng 87,26%, cà phê chế biến chiếm tỷ trọng 12,74% trong khi cùng kỳ năm 2020 tỷ trọng trên lần lượt là 83,19% và 16,81%, cụ thể như sau:

Cà phê chưa rang, chưa khử caffein đạt 22,42 triệu USD, chiếm tỷ trọng cao nhất là 86,17%, giảm 27,95% so cùng kỳ. Tiếp đến là tinh chất, chiết xuất cô đặc đạt 1,9 triệu USD, chiếm 7,35%, giảm 56,02% so cùng kỳ. Chế phẩm thành phần cơ bản từ chiết xuất, tinh chất cà phê đạt 1,4 triệu USD, chiếm 5,39%, giảm 42,4% so với cùng kỳ. Cà phê đã rang, chưa khử caffein đạt 277 nghìn USD, chiếm tỷ trọng 1,06%, giảm 30,6% so với cùng kỳ.

**Hình 8. Cơ cấu sản phẩm, cà phê xuất khẩu sang Hoa Kỳ tháng 9/2021**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

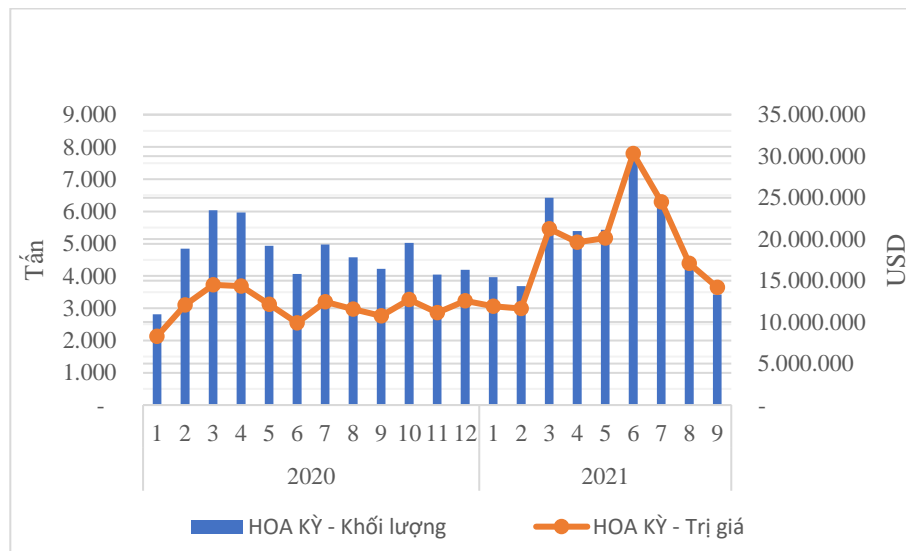
Trong tháng 9/2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Hoa Kỳ là: Công ty Cổ phần Tập đoàn Intimex, Công ty Cổ phần Intimex Mỹ Phước, Chi nhánh Công ty CP Tập đoàn Trung Nguyên – Nhà máy Cà phê Sài Gòn với thị phần lần lượt là: 26,74%; 14,08% và 5,64%.

## 4. HỒ TIÊU

Theo công bố sơ bộ của Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam sang Hoa Kỳ trong tháng 9/2021 đạt 3.424 tấn, tương ứng với 14,18 triệu USD, giảm 22,18% về khối lượng và 17,02% về giá trị so với tháng 8/2021. So với cùng kỳ năm trước, xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường này giảm 18,8% về khối lượng nhưng tăng 31,89% về giá trị.



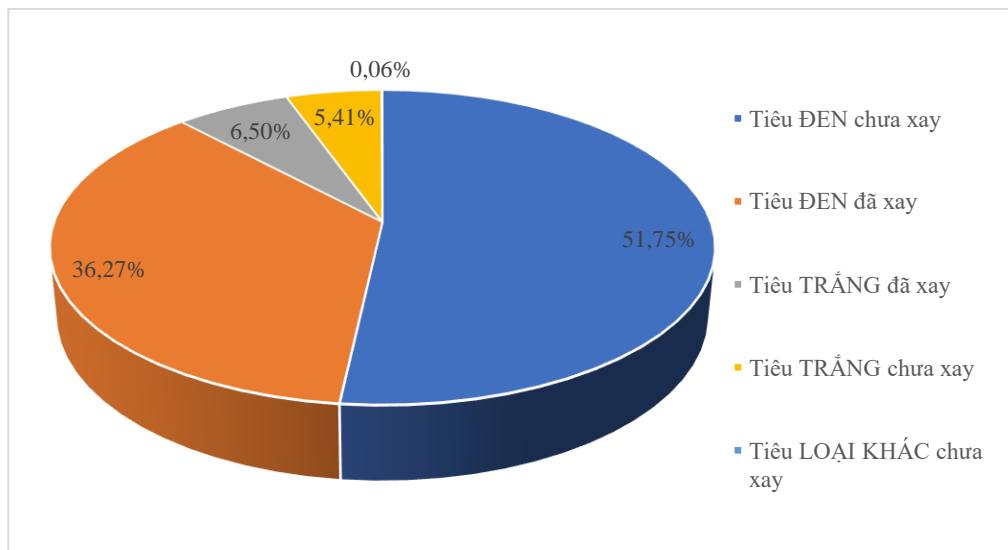
**Hình 9. Khối lượng và giá trị xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường Hoa Kỳ**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Trong tháng 9/2021, tiêu đen chưa xay vẫn là loại sản phẩm chính của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường này chiếm 51,57% tổng giá trị tiêu các loại xuất khẩu xuất sang Hoa Kỳ, giảm 7,54% so với tháng trước đó và tăng 5,30% so với cùng kỳ năm trước. Sản phẩm được xuất khẩu nhiều thứ hai là tiêu đen đã xay, chiếm 36,27%, tăng 27,10% so với tháng trước và tăng 31,07% so với cùng kỳ năm trước.

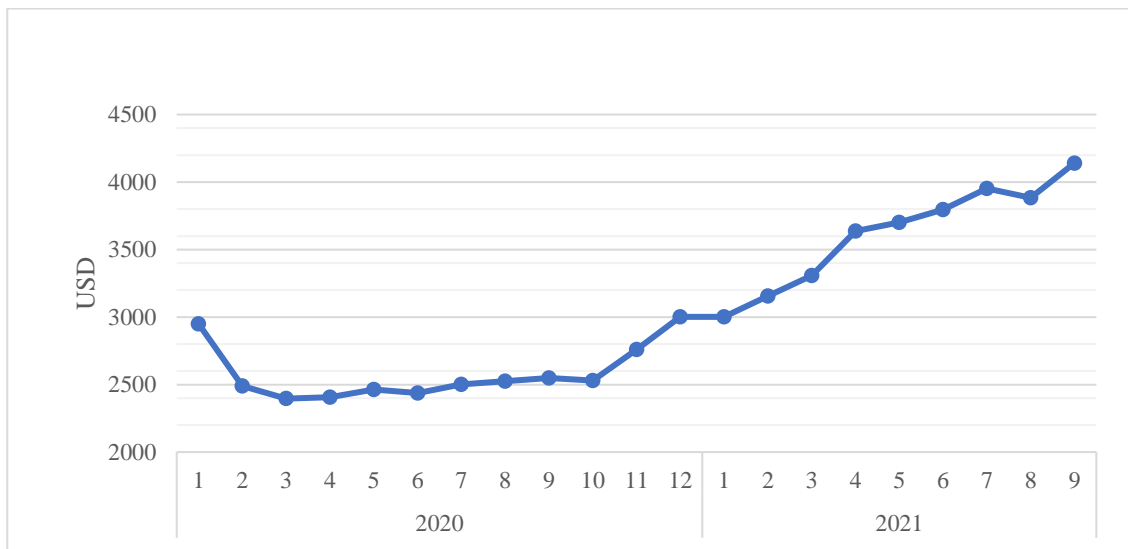
**Hình 10. Cơ cấu xuất khẩu Hồ tiêu sang thị trường Hoa Kỳ tháng 9/2021**



*Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan*

Giá xuất khẩu trung bình của hồ tiêu Việt Nam vào thị trường này trong tháng 9/2021 đạt 4.141 USD/tấn tăng 6,6% so với tháng trước và 62,4% so với cùng kỳ năm trước.

**Hình 11. Giá xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường Hoa Kỳ**



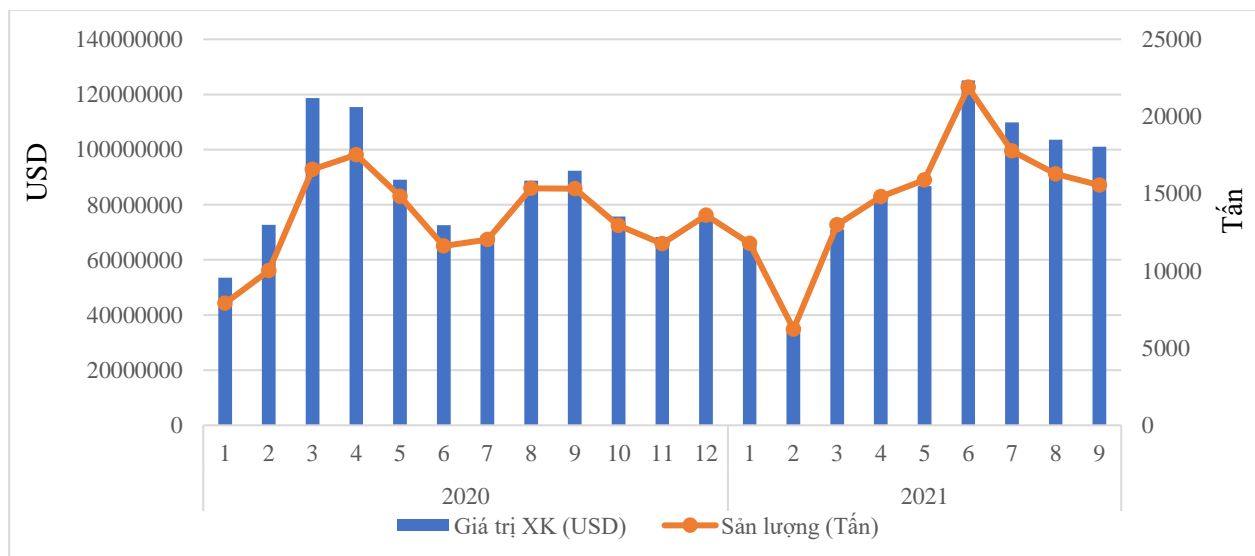
Nguồn: Tổng cục hải quan Việt Nam

Top 3 doanh nghiệp có kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường này trong tháng 9/2021: Công ty TNHH Olam Việt Nam chi nhánh Long Bình chiếm 17,54%, tiếp đến là công ty cổ phần tập đoàn Trân Châu chiếm 13,05% và công ty TNHH gia vị Sơn Hà chiếm 12,23%.

## 5. HẠT ĐIỀU

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 9/2021, giá trị xuất khẩu điều sang thị trường Hoa Kỳ đạt 15,6 nghìn tấn, trị giá 101 triệu USD, 1,5% về khối lượng và 9,4% về giá trị so với tháng cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, giá trị xuất khẩu hạt điều sang thị trường này có xu hướng giảm so với tháng trước, giảm 2,5% về giá trị và 4,5% về khối lượng.

**Hình 12. Khối lượng và giá trị xuất khẩu điều sang thị trường Hoa Kỳ**

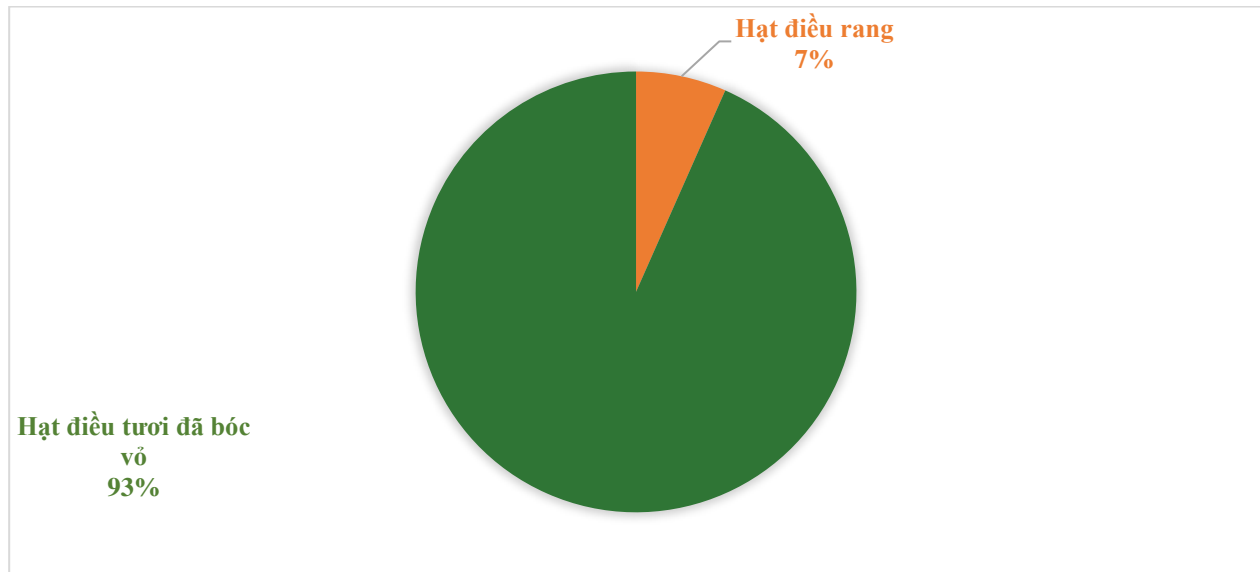


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tính hết 9 tháng đầu năm 2021, giá trị xuất khẩu điều sang thị trường này đạt 778,2 triệu USD, tương ứng với 133,2 ngàn tấn, tăng 0,8% về giá trị và 9,9% về sản lượng so với cùng kỳ năm trước.

Xuất khẩu điều sang thị trường này vẫn chủ yếu là hạt điều tươi đã bóc vỏ chiếm tới 93,4%, đạt 94,3 triệu USD, tăng 9,4% so với cùng kỳ năm trước và giảm 3,9% so với tháng trước; hạt điều rang đạt 6,7 triệu USD chiếm 6,6%, tăng 53,2% so với cùng kỳ năm 2020 và 23,9% so với tháng 8/2021

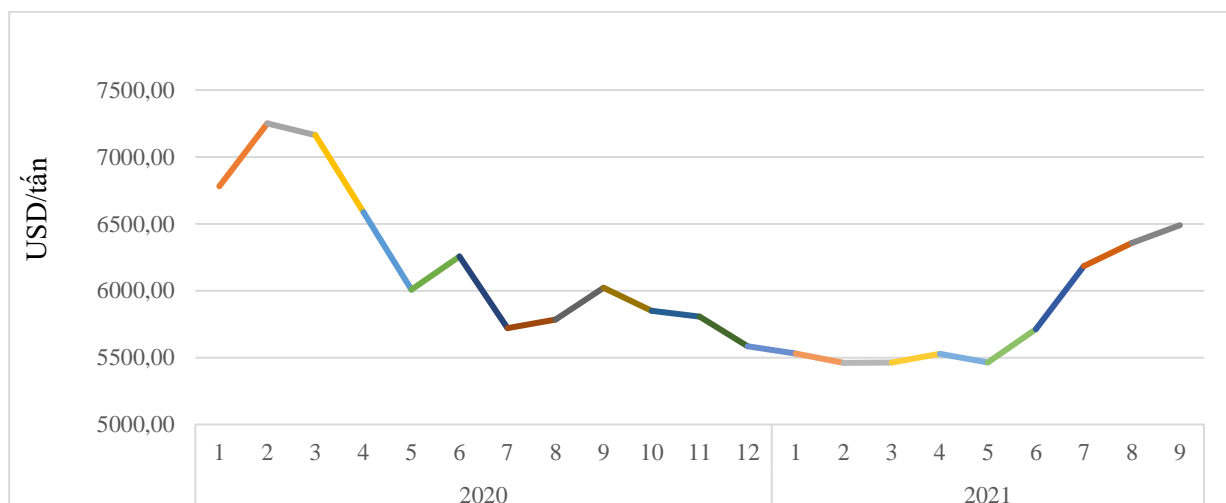
**Hình 13. Cơ cấu sản phẩm điều xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ tháng 9/2021**



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Giá xuất khẩu điều trung bình sang thị trường Hoa Kỳ tiếp tục giữ được đà tăng trưởng kể từ tháng 5/2021. Cụ thể, giá xuất khẩu điều bình quân tháng 9/2021 đạt 6,5 nghìn USD/tấn, tăng 2,1 % so với tháng trước và 17,6 % so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, giá xuất khẩu hạt điều tươi đã bóc vỏ sang thị trường này trung bình đạt 6,5 USD/kg, tăng 1,5% so với tháng trước và 6,3% so với cùng kỳ năm trước.

**Hình 14: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Hoa Kỳ**



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 9/2021, 3 công ty xuất khẩu điều lớn nhất sang thị trường này bao gồm: Công ty TNHH chế biến thực phẩm OLAM Việt Nam chi nhánh tại Biên Hòa II chiếm 6,5% tổng giá trị điều xuất khẩu sang thị trường này; Công ty TNHH xuất nhập khẩu nông sản Minh Loan chiếm 5,6%; và Công ty TNHH Ngọc Châu chiếm 3,2%.

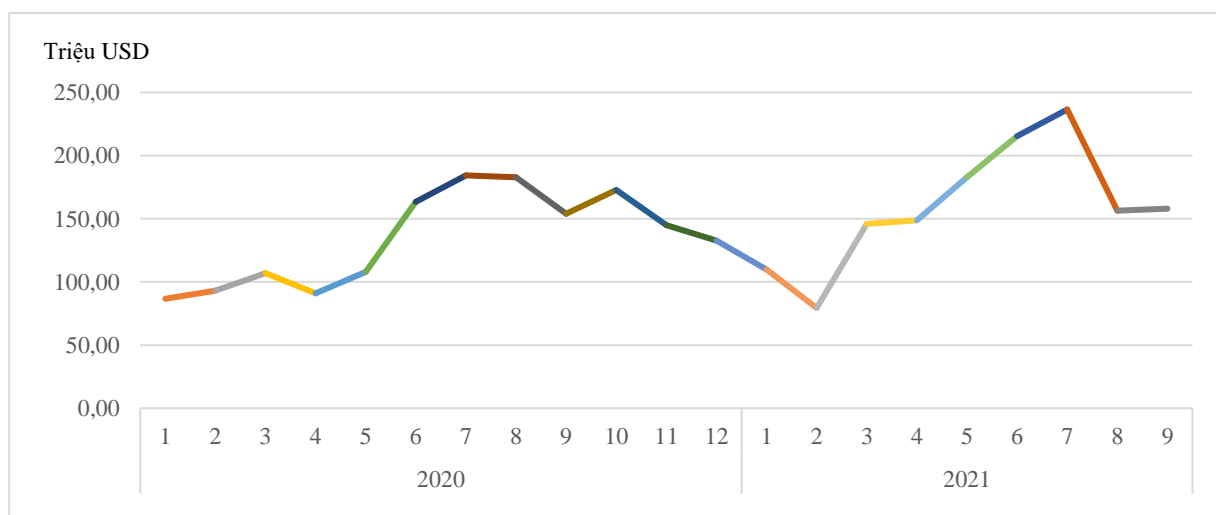
## 6. THỦY SẢN

Hoa Kỳ là thị trường nhập khẩu thủy sản lớn thứ 2 thế giới, đạt 19 tỷ USD trong 8 tháng đầu năm 2021, tăng 30,6% so với cùng kỳ năm 2020. Từ đầu năm 2021 đến nay, nhập khẩu thủy sản của Hoa Kỳ liên tục tăng so với cùng kỳ năm 2020 khi nhu cầu tiêu dùng thủy sản tăng. Việt Nam là thị trường cung cấp thủy sản lớn thứ 5 cho Hoa Kỳ và là thị trường có thị phần tăng mạnh nhất trong nhóm 5 thị trường cung cấp thủy sản lớn nhất.

Giá trung bình 10 loài thủy sản phổ biến tại Hoa Kỳ tăng 6%-97% trong 10 tháng đầu năm 2021. Trong đó, giá ghẹ xanh và ghẹ đỏ tại Hoa Kỳ bắt đầu tăng liên tục kể từ tháng 1/2021, nhưng có thể vẫn chưa đạt đến đỉnh. Giá trung bình ghẹ biển xanh (BSC) (*Portunus pelagicus*) thanh trùng nhập khẩu từ Đông Nam Á vào ngày 5/10/2021 đạt kỷ lục là 43,7544,50 USD, tăng 80-87% kể từ ngày 12/1/2021. Giá tăng không phải vì nguồn cung hạn chế mà do nhu cầu quá cao, khi mọi người ra ngoài ăn uống và mua thực phẩm. Cá tra là sản phẩm tăng giá nhiều nhất trong 10 mặt hàng thủy sản tiêu thụ phổ biến ở Hoa Kỳ. Cá tra phi lê có độ ẩm tiêu chuẩn, cỡ 5-7 ounce/ miếng được bán với giá 3,40 USD/kg vào ngày 5/10/2021, tăng 97% so với đầu năm 2021.

Hoa Kỳ vẫn duy trì là thị trường xuất khẩu thủy sản lớn nhất của Việt Nam. Theo tổng cục hải quan, tháng 9/2021, giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này đạt hơn 158 triệu USD, tăng 2,6% so với cùng kỳ năm 2020, và 1% so với tháng trước. Tôm là mặt hàng thủy sản lớn nhất xuất khẩu sang thị trường này trong tháng 9/2021, chiếm 61,7%, cá ngừ chiếm 14,6%.

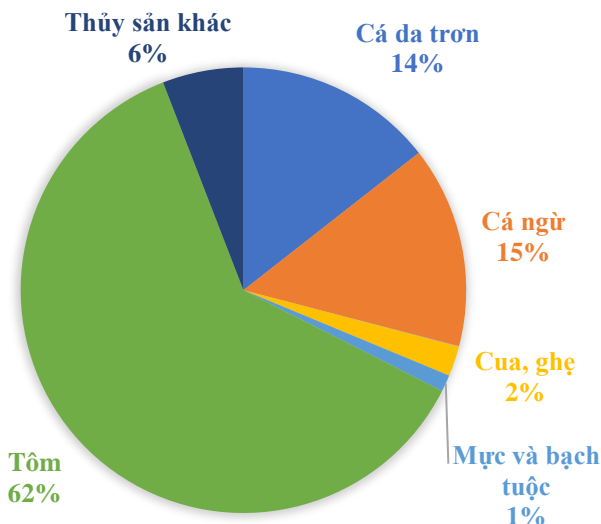
**Hình 15. Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hoa Kỳ tháng 9/2021**



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tính chung 9 tháng đầu năm 2021, giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này đạt trên 1,45 tỷ USD, chiếm 23,5% trong tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản của cả nước, tăng 23,8% so với cùng kỳ năm 2020.

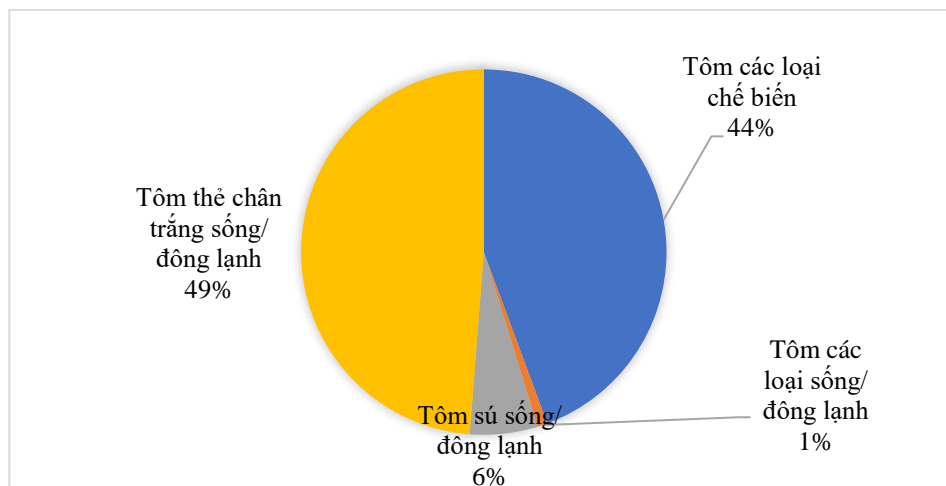
**Hình 16. Cơ cấu xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hoa Kỳ tháng 9/2021**



Nguồn: Tổng cục hải quan

Theo số liệu thống kê của NMFS, tháng 8/2021, nhập khẩu tôm của Hoa Kỳ đạt 95,78 nghìn tấn, trị giá 1,07 tỷ USD, tăng 10,8% về lượng và tăng 30,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020. Tính chung 8 tháng đầu năm 2021, nhập khẩu tôm của Hoa Kỳ đạt 614,53 nghìn tấn, trị giá 6,32 tỷ USD, tăng 24,5% về lượng và tăng 35,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020. Tháng 8/2021, nhập khẩu tôm của Hoa Kỳ từ thị trường Ấn Độ, Ca-na-đa và Việt Nam tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2020, trong khi nhập khẩu từ thị trường In-đô-nê-xi-a giảm. Nhập khẩu tôm của Hoa Kỳ từ hầu hết các thị trường cung cấp lớn tăng so với cùng kỳ năm 2020, trừ nhập khẩu từ Mê-hi-cô và Trung Quốc giảm.

**Hình 17. Cơ cấu xuất khẩu tôm sang thị trường Hoa Kỳ tháng 9 năm 2020/2021**

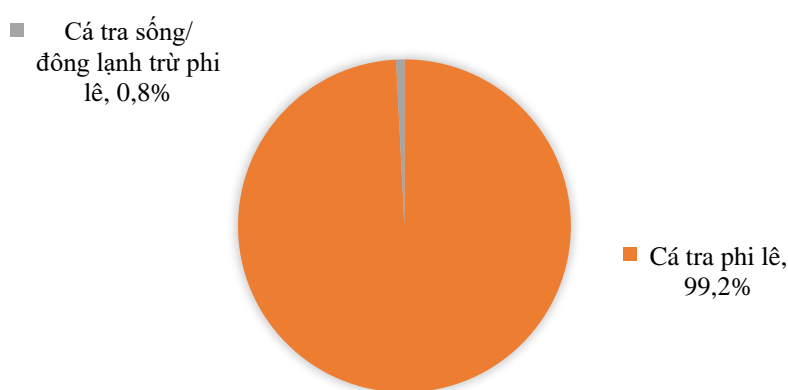


Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Tháng 9/2021, xuất khẩu tôm thẻ chân trắng sống/đông lạnh của Việt Nam sang thị trường Hoa Kỳ đạt 47,5 triệu USD, chiếm 48,8% giá trị xuất khẩu sang thị trường này, tăng 80% so với tháng 9/2020; tôm các loại sống/đông lạnh đạt 0,9 triệu USD, chiếm 0,9%, tăng 48%; tôm sú sống/đông lạnh đạt 5,8 triệu USD, chiếm 6%, tăng 34,6%; tôm chế biến các loại đạt 43,2 triệu USD, chiếm 44,4%, giảm 27,7%.

Xuất khẩu cá da trơn sang thị trường này vẫn giữ được tốc độ tăng dương so với cùng kỳ năm trước (tăng 17%), và tăng 0,3% so với tháng 8/2021. Giá trị xuất khẩu cá tra phi lê đạt 22,6 triệu USD, chiếm 99,2% tổng giá trị cá da trơn xuất khẩu sang thị trường này, tăng 21,5% so với tháng 9/2020; cá tra sống/đông lạnh trừ phi lê đạt 0,2 triệu USD, chiếm 0,8%, giảm 78,8%.

**Hình 18. Cơ cấu xuất khẩu cá tra sang thị trường Hoa Kỳ tháng 9/2021**



*Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan*

Một số mặt hàng thủy sản khác xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ trong tháng 9 như sau: Cá nưừ đạt 23,1 triệu USD, giảm 8% so với tháng 9/2020; cua, ghẹ đạt 3,4 triệu USD, giảm 7,5%; thủy sản khác đạt 9,3 triệu USD, giảm 31,5%; mực và bạch tuộc đạt 1,9 triệu USD, tăng 7%.

Tháng 9, giá xuất khẩu tôm đạt trung bình 11,9 USD/kg, tăng 8,1% so với cùng kỳ năm 2020; mực và bạch tuộc đạt 9,6 USD/kg, giảm 30,2%. Cụ thể,

**Bảng 1. Giá một số sản phẩm thủy sản xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ tháng 9/2021**

TT	Sản phẩm	Giá (USD)	So năm trước (%)	So tháng trước (%)
1	Cá da trơn	6,2	104,6%	27,8%
2	Cá nưừ	10,9	21,2%	4,1%
3	Cua, ghẹ	16,8	50,1%	-9,7%
4	Mực và bạch tuộc	9,6	-30,2%	-14,5%
5	Tôm	11,9	8,1%	-0,4%

*Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan*

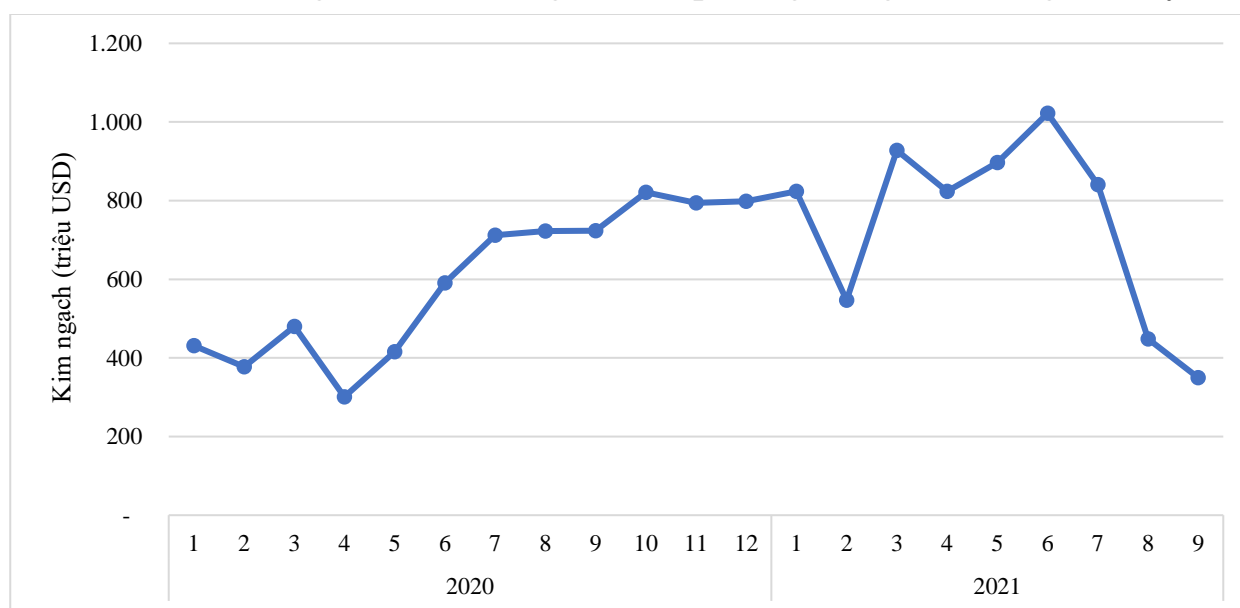
Tháng 9 năm 2021, Top 3 công ty có giá trị xuất khẩu lớn sang thị trường Mỹ là: Công ty cổ phần thủy sản Sóc Trăng chiếm 15,1% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hoa Kỳ; Công ty cổ phần thủy sản Vĩnh Hoàn 10,6%; Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú – Hậu Giang chiếm 8%.

## 7. GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ

Theo Ủy ban Thương mại Quốc tế Mỹ (USITC), 9 tháng đầu năm, Mỹ nhập khẩu đồ gỗ nội thất nhiều nhất từ thị trường Việt Nam, đạt 6,7 tỷ USD, tăng 73% so với cùng kỳ năm 2020. Tỷ trọng nhập khẩu từ Việt Nam chiếm 40% trong tổng giá trị nhập khẩu đồ gỗ của Mỹ, tăng 4,5 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước.

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 9/2021, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hoa Kỳ ước đạt 349,7 triệu USD, giảm 21,9% so với tháng trước và giảm 51,7% so với cùng kỳ năm 2020.

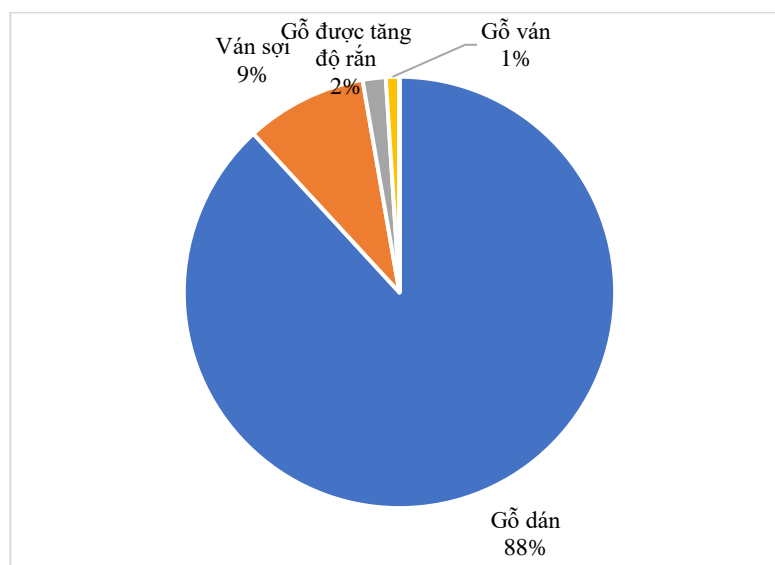
**Hình 19. Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hoa Kỳ**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Trong tháng 9/2021, gỗ dán là chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hoa Kỳ đạt 35,5 triệu USD, chiếm 88,2% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là ván sợi với kim ngạch 3,7 triệu USD, chiếm 9,1% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là gỗ được tăng độ rắn và gỗ ván, chiếm lần lượt 1,7% và 1,0% tổng giá trị xuất khẩu sang Hoa Kỳ.

**Hình 20. Chứng loại gỗ và sản phẩm gỗ (mã HS 44) xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ theo kim ngạch tháng 9/2021**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Trong tháng 9/2021, Top 3 công ty xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ là Công ty TNHH JUNMA Phú Thọ, Công ty TNHH MTV Gỗ Khang Đạt và Công ty TNHH Eagle Industries. Ba công ty này chiếm tỷ trọng lần lượt là 8,4%, 8,2% và 8,2% tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 sang thị trường Hoa Kỳ.

## 8. CAO SU

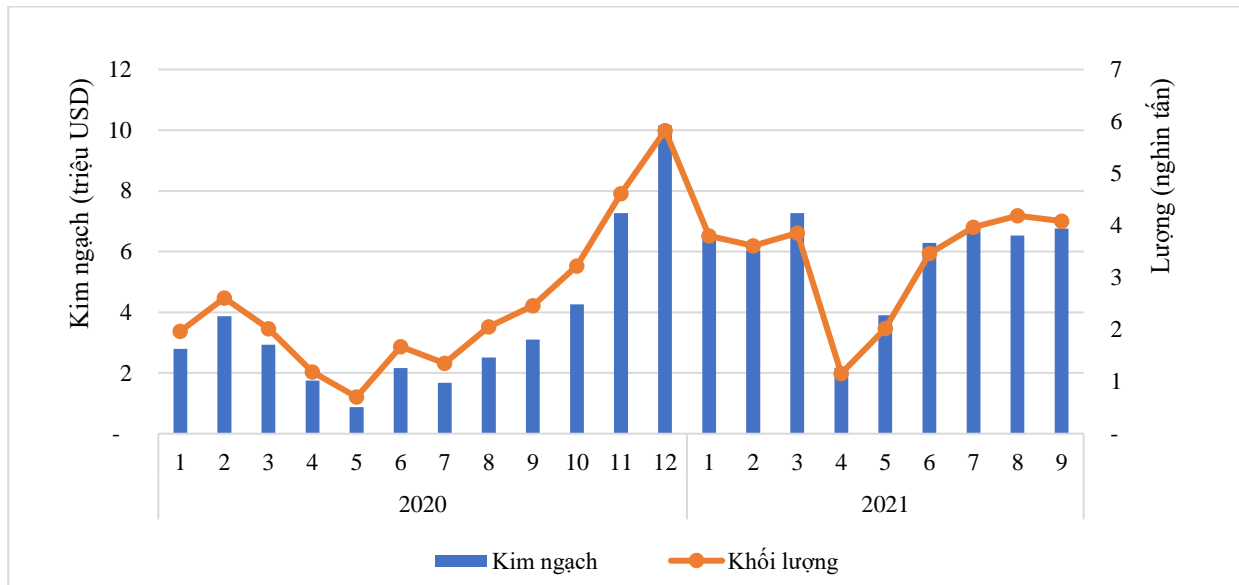
Theo số liệu thống kê của Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ, 8 tháng đầu năm 2021, Hoa Kỳ nhập khẩu gần 1,26 triệu tấn cao su (mã HS 4001, 4002, 4003, 4005), trị giá 2,55 tỷ USD, tăng 15,6% về lượng và tăng 33,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, Indonesia, Thái Lan, Canada, Hàn Quốc và Bồ Đào Nha là 5 thị trường lớn nhất cung cấp cao su cho Hoa Kỳ.

Trong 8 tháng đầu năm 2021, Việt Nam là thị trường cung cấp cao su lớn thứ 11 cho Hoa Kỳ với 27,58 nghìn tấn, trị giá 49,51 triệu USD, tăng 72,3% về lượng và tăng 109% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020. Thị phần cao su của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Hoa Kỳ trong 8 tháng đầu năm 2021 chỉ chiếm 2,2%, dù có tăng so với mức 1,5% của 8 tháng đầu năm 2020.

Theo Tổng cục Hải quan Việt Nam, tháng 9/2021, xuất khẩu cao su sang thị trường Hoa Kỳ ước đạt 4,1 nghìn tấn với trị giá 6,8 triệu USD, giảm 2,5% về khối lượng nhưng tăng 3,6% về giá trị so với tháng trước, và tăng 66,0% về khối lượng và 117,7% về giá trị so với cùng kỳ 2020.



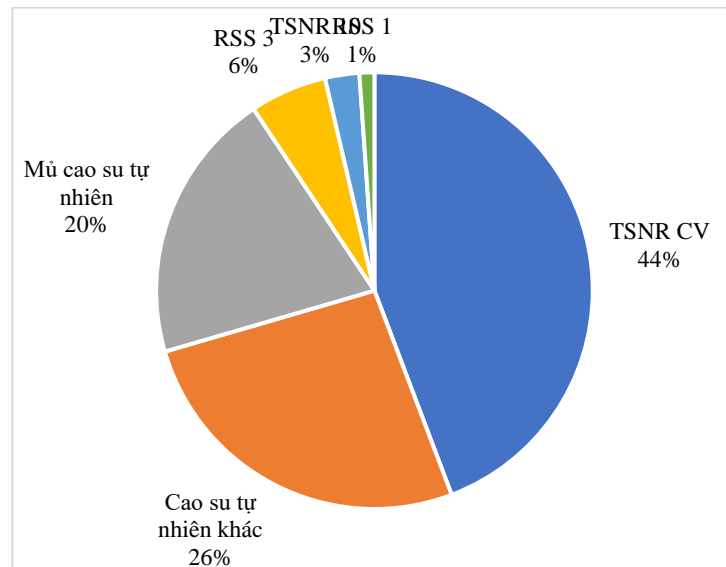
**Hình 21. Khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su sang thị trường Hoa Kỳ**



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 9/2021, cao su đã định chuẩn kỹ thuật TSNR CV là chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hoa Kỳ đạt 3,0 triệu USD, chiếm 44,2% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là mủ cao su tự nhiên với kim ngạch 1,4 triệu USD, chiếm 20,2% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là RSS 3 và TSNR 10, chiếm lần lượt 5,7% và 2,5% tổng giá trị xuất khẩu sang Hoa Kỳ.

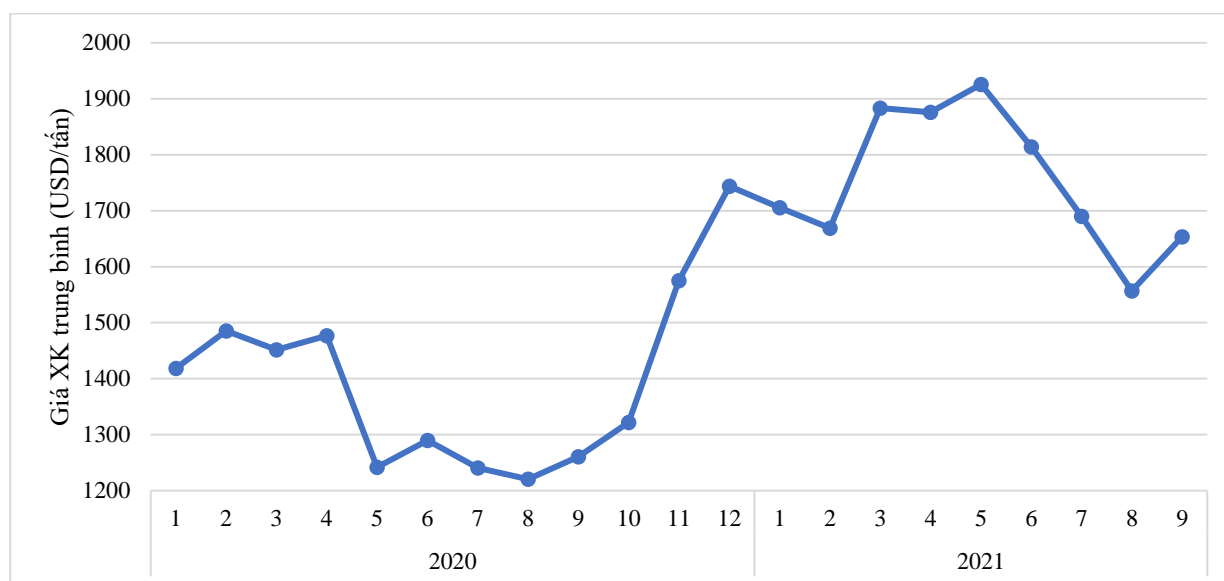
**Hình 22. Chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ theo kim ngạch tháng 9/2021**



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá cao su tự nhiên xuất khẩu trung bình sang thị trường Hoa Kỳ trong tháng 9/2021 đạt mức 1.654 USD/tấn, tăng 6,2% so với tháng trước và 31,2% so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 23. Giá cao su xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Trong tháng 9/2021, Top 3 công ty xuất khẩu cao su sang thị trường Hoa Kỳ là Công ty TNHH MTV Sản xuất Cao su Liên Anh, Công ty TNHH Cao su Thuận Lợi và Công ty Cổ phần XNK Tổng hợp Bình Phước. Ba công ty này chiếm tỷ trọng lần lượt 18,5%; 15,0% và 10,5% tổng kim ngạch cao su xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ.

## NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

### 1. Cà phê

Nhu cầu cà phê cho dịp Giáng sinh và năm mới dự kiến tăng lên. Tuy nhiên tình trạng ách tắc và thiếu container vẫn rất nghiêm trọng. Số lượng tàu container neo đậu hoặc tại các khu vực chờ của hai cảng Los Angeles và Long Beach đã tăng lên mức kỷ lục trong tháng 10. Chính quyền Biden đã yêu cầu các cảng hoạt động 24/7 trong nỗ lực giải quyết các công việc tồn đọng, tuy nhiên, tình trạng tắc nghẽn nghiêm trọng hiện đang diễn ra trong toàn bộ chuỗi cung ứng. Giá cước vận tải biển tiếp tục tăng cao, dự kiến kéo dài đến cuối quý 2/2022. Tại báo cáo Triển vọng Kinh tế Thế giới (WEO) do IMF công bố vào ngày 12/10, dự báo tăng trưởng nền kinh tế Mỹ được điều chỉnh giảm mạnh nhất, từ 7% xuống còn 6% trong năm 2021. IMF cho rằng tăng trưởng của Mỹ có thể sẽ giảm mạnh hơn nữa vì dự báo lần này giả định rằng Quốc hội Mỹ sẽ phê chuẩn đề xuất chi tiêu xã hội và hạ tầng trị giá 4.000 tỷ USD của Tổng thống Joe Biden.

### 2. Rau quả

Theo Thương vụ Việt Nam tại Hoa Kỳ, để gia tăng xuất khẩu rau quả vào thị trường Hoa Kỳ, các doanh nghiệp trong nước nên phối hợp với nhà nhập khẩu, phân phối tại Hoa Kỳ nghiên cứu phương thức thanh toán linh hoạt, hỗ trợ chia sẻ rủi ro, nhất là giai đoạn đầu tiếp cận thị trường. Đồng thời, các doanh nghiệp xuất khẩu cần chủ động cập nhật, thường xuyên cung cấp thông tin, tạo cơ hội thị trường. Về lâu dài, các doanh nghiệp cần kiên trì tiếp cận các chuỗi phân phối lớn, hướng tới cung cấp sản phẩm hữu cơ và sản phẩm chế biến, như vậy mới đảm bảo chi phí cạnh tranh, đáp ứng nhu cầu đa dạng, quanh năm. Song song với xuất khẩu sản phẩm chế biến, vào các mùa vụ cao điểm, cần triển khai các chiến dịch quảng bá, cung cấp quả tươi để tạo điểm nhấn củng cố hình ảnh, thương hiệu trái cây đặc sản của Việt Nam.

### 3. Cao su

Kinh tế Hoa Kỳ đang dần hồi phục, nhu cầu cao su của Hoa Kỳ được dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng cho tới năm 2023, nhờ gia tăng nhu cầu của các sản phẩm từ cao su. Nhu cầu tăng cùng với biến đổi khí hậu và đứt gãy chuỗi cung ứng do ảnh hưởng của dịch Covid-19 là những vấn đề được ngành cao su và lốp xe cao su Hoa Kỳ quan tâm trong giai đoạn hiện nay. Dự báo xuất khẩu cao su của Việt Nam sang Hoa Kỳ sẽ còn tiếp tục tăng trong những tháng cuối năm 2021.

### 4. Gỗ và sản phẩm gỗ

Theo Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam, sự phục hồi của nền kinh tế Mỹ đang thúc đẩy nhu cầu tiêu thụ đồ gỗ tại thị trường này, đặc biệt là thời điểm cuối năm. Tổng nhu cầu có thể đạt 100 tỷ USD vào năm 2021 trong bối cảnh nền kinh tế của đất nước được dự báo sẽ tăng trưởng 6-7%. Như vậy, cơ hội xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ vào thị trường Mỹ sẽ rất khả quan nếu tình hình dịch bệnh được kiểm soát.

## PHỤ LỤC

**Bảng 2. Xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang Hoa Kỳ tháng 9/2021**

STT	Sản phẩm	Tháng 9/2021 (USD)	Tăng /giảm so T8/2021	Tăng /giảm so T9/2020	Tỷ trọng T9/2021
1	Cà phê	26.022.510	25,5%	28,9%	3,6%
2	Cao su	6.760.254	3,6%	117,7%	0,9%
3	Chè	771.113	10,8%	49,6%	0,1%
4	Gạo	789.327	68,3%	30,3%	0,1%
5	Gỗ và sản phẩm gỗ	349.656.848	-21,9%	-51,7%	48,6%
6	Hàng rau quả	15.538.692	-6,2%	-8,2%	2,2%
7	Hàng thủy sản	158.018.924	1,0%	2,6%	21,9%
8	Hạt điều	101.002.501	-2,5%	9,4%	14,0%
9	Hạt tiêu	14.177.642	-17,0%	31,9%	2,0%
10	Mây tre đan	20.435.639	-23,9%	-1,5%	2,8%
11	SP từ cao su	24.729.086	12,1%	-1,4%	3,4%
12	TĂGS &NL	2.220.122	39,2%	-80,6%	0,3%
<b>Tổng XK NLTS</b>		<b>720.122.658</b>	<b>-12,2%</b>	<b>-33,3%</b>	<b>100%</b>

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

**Bảng 3. Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang Hoa Kỳ tháng 9/2021**

Loại sản phẩm	Tháng 9/2020		Tháng 9/2021		So sánh T9.2021/T9.2020	
	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng	Giá trị
Gạo thơm	485	389.778	862	685.791	77,7%	75,9%
Gạo Japonica	20	14.163	73	67.229	273,9%	374,7%
Gạo trắng	446	201.792	60	36.307	-86,5%	-82,0%

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

**Bảng 4. Giá trị xuất khẩu một số loại rau quả chính sang Hoa Kỳ tháng 9/2021**

TT	Sản phẩm	Tháng 9/2020	Tháng 9/2021	So sánh
		(USD)	(USD)	T9.2021/T9.2020
	<b>Tổng giá trị XK</b>	<b>16.935.281</b>	<b>15.538.692</b>	<b>-8,2%</b>
1	Sầu riêng	1.205.788	3.297.972	173,5%
2	Thanh long	2.688.391	2.647.796	-1,5%
3	Dừa	1.264.447	1.659.454	31,2%
4	Nấm các loại	526.149	664.586	26,3%
5	Dứa	188.967	538.083	184,7%
6	Xoài	304.344	488.721	60,6%
7	Nhãn	641.083	472.266	-26,3%
8	Vải	29.115	49.489	70,0%
9	Khác	10.086.997	5.720.324	-43,3%

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

**Bảng 5. Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng cà phê sang Hoa Kỳ tháng 9/2021**

Mặt hàng	T9/2020 (USD)	T9/2021 (USD)	So sánh T9/2020 và T9/2021	Tỷ trọng T9/2021
Chưa rang chưa khử cafein	31.123	22.425	-27,95%	86,17%
Chưa rang đã khử cafein	2.059	-	-100,00%	0,00%
Đã rang chưa khử cafein	399	277	-30,69%	1,06%
Đã rang đã khử cafein	5	5	-4,27%	0,02%
Tinh chất, chiết xuất cô đặc	4.349	1.913	-56,02%	7,35%
Chế phẩm thành phần cơ bản từ chiết xuất, tinh chất cà phê	2.437	1.404	-42,40%	5,39%
<b>Tổng</b>	<b>40.372</b>	<b>26.023</b>	<b>-35,54%</b>	<b>100,00%</b>

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

**Bảng 6: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng thủy sản sang Hoa Kỳ tháng 9/2021**

Loại sản phẩm	Tháng 9/2020	Tháng 9/2021	So sánh
	(USD)	(USD)	T9.2021/T9.2020
Cá da trơn	22.800.350,29	19.493.830,11	17,0%
Cá ngừ	23.094.461,73	25.102.610,84	-8,0%
Cá rô phi	61.432,00	307.105,60	-80,0%
Cua, ghẹ	3.446.527,65	3.724.015,43	-7,5%
Mực và bạch tuộc	1.905.726,44	766.788,80	148,5%
Tôm	97.426.543,71	91.054.621,13	7,0%
Thủy sản khác	9.283.882,17	13.566.569,09	-31,6%
<b>Tổng</b>	<b>158.018.924,00</b>	<b>154.015.541,00</b>	<b>2,6%</b>

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*